

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/DS-PT

Ngày: 09 - 4 - 2026

*V/v tranh chấp yêu cầu chấm
dứt hành vi cản trở trái pháp
luật; buộc tháo dỡ tài sản trên
lối đi chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Pho

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật; buộc tháo dỡ tài sản trên lối đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 09/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 77/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vi Quốc V – sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn C, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Sỹ N – sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T; cùng địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Sỹ N: Ông Đinh Viết S - sinh năm 1957; địa chỉ: Số F đường T, tổ F phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị T: Ông Ngô Sỹ H - sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH một thành viên G;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân C: Ông Phạm Văn C1 – Chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên G.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Xã S, Tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Ông Ngô Sỹ N là bị đơn.

(Ông V, ông N, ông H, ông C1 có mặt; Ủy ban nhân dân xã S có đơn xin vắng mặt; ông S, bà D vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Vi Quốc V trình bày:*

Ông chuyển đến sinh sống tại thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi) từ năm 1995. Thời điểm chuyển đến đã có con đường dân sinh nối đường liên thôn đi vào nhà ông. Đường đất, khi đó chỉ có gia đình ông ở, xung quan đều là đất trống nên ông cũng không biết đường rộng khoảng bao nhiêu mét. Đến khoảng năm 2000 thì Công ty TNHH một thành viên G (Viết tắt là Công ty G) xây 01 căn nhà cấp 4 trên vị trí đất mà hiện nay gia đình ông Ngô Sỹ N đang ở để sử dụng làm nhà ăn, nhưng không sử dụng và xây trạm xá phía giáp ranh với nhà ông ở, chỉ cách nhau con đường mà hiện nay gia đình ông N đang lấn chiếm. Năm 2009, gia đình ông N mua lại căn nhà cấp 4 của Công ty G và chuyển đến sống tại đây. Vì gia đình ông N sát đường liên thôn nên ít đi con đường dân sinh, chỉ có gia đình ông nhà phía trong nhà của ông N nên phải đi lại hàng ngày trên đoạn đường này để ra đường liên thôn.

Sau khi mua nhà và chuyển đến ở thì ông N nhiều lần cản trở không muốn cho ông đi lại trên đoạn đường dân sinh này vì cho rằng đã mua của Công ty G

cả phần diện tích đất là đoạn đường từ đường liên thôn vào đến nhà ông. Ông có làm đơn gửi đến Công ty G để yêu cầu giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 29/6/2010, Công ty G đã gọi gia đình ông và vợ chồng ông N, bà T đến làm việc; các bên đã thống nhất thực tế có con đường đi thuộc địa phương quản lý, mặt đường 08m. Hai gia đình phải thực hiện đúng theo ranh giới. Đồng thời ông có trách nhiệm quản lý dọn dẹp đường. Tuy nhiên, sau đó thì gia đình ông N không thực hiện. Đến năm 2022, gia đình ông N tự ý xây tường rào nhưng có chừa lại khoảng 05m để gia đình ông đi lại. Khoảng tháng 5 - 6/2023, gia đình ông N xây tường và kéo lưới B40 rào kín, chặn luôn hai đầu đoạn đường không cho ông đi lại nữa. Từ khi ông N rào chặn cả hai đầu của đoạn đường, ông phải bắc thang trèo qua tường rào trạm xá thuộc Công ty G, đi nhờ qua sân của Công ty để ra đường liên thôn chứ không có con đường nào khác; đây là con đường duy nhất.

Nay, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Sỹ N và bà Phạm Thị T tháo dỡ hàng rào, di dời cây cối mà ông N, bà T đã tự ý trồng, trả lại hiện trạng để ông có đường đi lại sinh hoạt trong cuộc sống; phần đất ông N rào và sử dụng thuộc đất giao thông có diện tích là 386,8m² đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông Ngô Sỹ N, có chiều dài 57,78m.
- Phía Tây giáp đất T7 (Trạm Y tế 732), có chiều dài 50m.
- Phía Nam giáp nhà ông Vi Quốc V, có chiều dài 7m.
- Phía Bắc giáp đất đường liên xã, có chiều dài 7,41m.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Sỹ N và bà Phạm Thị T trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của Công ty G từ năm 2009. Thời điểm đó, ông N là công nhân của Công ty và Công ty có chủ trương tạo điều kiện cấp đất cho công nhân để xây nhà ở và phát triển kinh tế vườn nhưng có thu tiền. Theo đó, ông N được Công ty cấp diện tích 3.927,6m² đất, trong đó chiều dài là 78,2m; chiều rộng là 50,2m. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp suối lớn; phía Tây giáp bệnh xá 732; phía Nam giáp nhà ông Ngô Tùng K; phía Bắc giáp nhà ông Vi Quốc V. Vị trí đất tại địa điểm khu vực bệnh xá công ty. Theo Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009, quyết định về việc cấp đất thổ cư cho CNCNVC trong công ty. Giá chuyển nhượng là 90.000.000 đồng.

Khi gia đình ông, bà đến ở thì đã thấy gia đình ông V sinh sống tại khu này; gia đình ông V ở phía sau, giáp ranh với đất của gia đình ông bà. Lúc này,

phần đất mà ông V hiện đang tranh chấp không phải là con đường mà là mảnh đất trống, cỏ mọc nhiều, gia đình ông V thỉnh thoảng đi lại qua đoạn này.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình ông bà sử dụng ổn định, không tranh chấp. Đến tháng 7/2023, gia đình ông xây dựng hàng rào trên phần đất phía trước nhà mà ông V cho rằng đất đường đi chung. Ngoài đi qua đoạn đường này thì vẫn còn con đường khác để ông V đi lại, đó là đi con đường của Công ty G. Hiện nay, ông V đang đi lại bằng con đường này. Ông V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà tháo dỡ hàng rào, cây cối trên đất để trả lại phần diện tích đất tranh chấp là 386,8m² thì vợ chồng ông, bà không đồng ý.

Ngày 26/9/2025, ông bà có đơn phản tố với nội dung: Toàn bộ tài liệu nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Quảng Ngãi đều không đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vi phạm khoản 9 Điều 70 về việc gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Vi Quốc V đã được ông Ngô Sỹ N khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần đầu). Bản án hành chính số 02/2023/HC-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Sỹ N, hủy Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần đầu). Vì vậy, ông bà yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án do sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D trình bày:*
Bà vào đây sinh sống, làm công nhân Công ty 732 từ năm 1982. Đến năm 1992, bà nghỉ theo chế độ mất sức lao động. Khoảng năm 1995, bà phát rẫy với em bà là ông Nguyễn Trung T1, lô đất rẫy nằm phía trong nhà ông V bây giờ. Đến năm 1997, em bà bán lại cho bà toàn bộ phần diện tích đất rẫy của em bà. Bà canh tác trồng cây cho đến bây giờ, hiện đang trồng cà phê và sầu riêng. Kể từ khi canh tác cho đến nay, bà thường xuyên đi lại trên con đường đi qua nhà ông N và ông V để vào rẫy; ngoài con đường này thì không còn con đường nào khác. Bắt đầu từ năm 2023, bà không biết vì sao ông N rào lại không cho bà đi lại; nhà ông V cũng không có đường đi, phải trèo qua tường rào của Công ty G để đi ra đường liên thôn. Gia đình bà không có đường đi vào rẫy chăm sóc cây cối nên đã làm ảnh hưởng lớn đến kinh tế gia đình. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết, buộc gia đình ông N tháo dỡ hàng rào, cây trồng, trả lại lối đi.

** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên G trình bày:*

Ngày 10/02/2009, Công ty G ban hành Quyết định số 16/QĐ về việc cấp đất thổ cư cho ông Ngô Sỹ N, diện tích 3.927,6m² tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi). Nguồn gốc diện tích đất này trước đây là đất nông nghiệp do Công ty G tạm thời quản lý, sử dụng để thực hiện dự án trồng cao su, cà phê. Vào khoảng năm 1988 - 1989, các đơn vị tiền thân Công ty G xây dựng một ngôi nhà cấp 4 (03 gian) trên một phần nhỏ diện tích đất này để phục vụ nhiệm vụ. Phần diện tích đất này, thực tế Công ty không được UBND tỉnh K giao hoặc cho thuê và cũng không nằm trong phần diện tích mà Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí đất gần sát đất quốc phòng Công ty, chỉ cách con đường đất rộng khoảng 06m. Khoảng năm 1988, Công ty D2 bệnh xá cũ về khu đất này. Khi đó là khu đất trống, không ai sử dụng nên Công ty mới xây tạm căn nhà để sử dụng. Sau một thời gian, không có nhu cầu sử dụng nên quyết định bán lại cho ông N. Việc xây dựng nhà không có hồ sơ.

Đổi chiều sơ đồ thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh cấp cho Công ty G, số BN 379749 ngày 28 tháng 3 năm 2013 đổi với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 65, thôn B, xã Đ, huyện N xác định tại vị trí đất mà ông Ngô Sỹ N được Công ty G cấp vào năm 2009, có con đường giao thông (kích thước chiều rộng 05m, chiều sâu 100m). Phần diện tích đất 3.927,6m² không nằm trong phần diện tích đất là con đường đi mà hiện nay ông V và ông N đang tranh chấp.

Trước khi cấp đất cho ông N đã có con đường đất rộng khoảng 06m. Người dân thường đi lại trên con đường này vào phía trong để sản xuất, canh tác. Do sơ suất nên việc ghi tứ cận tại Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009 của Công ty G: *“phía tây giáp bệnh xá 732”* là không chính xác. Vì thực tế ranh giới đất giữa Công ty G và gia đình ông Ngô Sỹ N theo hiện trạng tính từ tường rào Bệnh xá Công ty TNHH MTV G là 06m; khoảng 06m chiều rộng là đường giao thông cho người dân đi lại sản xuất. Việc này đã thể hiện tại biên bản làm việc giữa Công ty và ông Ngô Sỹ N vào ngày 01/11/2016. Ông N cũng thống nhất nội dung này.

Việc Công ty ban hành Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009 cấp cho ông Ngô Sỹ N 3.927,6m² là không đúng thẩm quyền quy định của pháp luật đất đai về thẩm quyền cấp đất. Do đó, ngày 10/01/2019, Giám đốc Công ty G ban hành Quyết định số 48/QĐ-CT thu hồi và hủy Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009. Sau khi ban hành Quyết định này, ông N đã khiếu nại lên Bình đoàn

A - Bộ Q. Tại Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần 2) số 374/QĐ-BĐ ngày 25-01-2024 của Binh đoàn A-Bộ Q quyết định Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 48/QĐ-CT là đúng.

Sau đó, ông N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum hủy cả hai quyết định: Quyết định số 48/QĐ-CT ngày 10/01/2019 của Giám đốc Công ty G và Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần 2) số 374/QĐ- BĐ ngày 25-01-2024 của Binh đoàn A-Bộ Q. Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Sỹ N. Không đồng ý với kết quả tại bản án hành chính sơ thẩm, ông N kháng cáo. Tại Bản án số 316/2025/HC-PT ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Sỹ N, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 01/2025/HC-ST, ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nội dung các bên đang tranh chấp.

** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã S trình bày:*

Theo bản đồ địa chính chính quy năm 2008, thửa đất số 66, tờ bản đồ số 114, diện tích 386,8m² tại thôn B, xã S (trước đây là thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum) được thể hiện là đất giao thông (đường dân sinh).

Ngày 25/02/2022, UBND xã Đ tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của ông Vi Quốc V về việc gia đình ông Ngô Sỹ N tự ý lấn chiếm đất thuộc đường dân sinh. Ngày 28/02/2022, UBND xã Đ đã thành lập hội đồng hòa giải, nhiều lần phối hợp với các ban ngành hòa giải nhưng không thành. Quá trình trước khi hòa giải, có thực hiện việc kiểm tra việc lấn chiếm đường dân sinh và trồng cây vào phần đất thuộc đường dân sinh đối với hộ ông Ngô Sỹ N (biên bản kiểm tra xác minh ngày 16/6/2022). Đồng thời UBND xã có yêu cầu công dân trả lại phần đất lấn chiếm và nhổ bỏ cây trồng trên đất do vi phạm gây ra nhưng ông Ngô Sỹ N và bà Phạm Thị T không chấp hành.

Ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND xã Đ nhận được đơn khiếu nại của ông Ngô Sỹ N khiếu nại về biên bản làm việc ngày 16/6/2022 của UBND xã Đ. Sau khi xem xét đơn khiếu nại và nội dung biên bản làm việc ngày 16/6/2022, các biên bản làm việc, giấy tờ có liên quan... Chủ tịch UBND xã ra Thông báo số 32/TB-UBND ngày 06/7/2022 về việc không thụ lý đơn khiếu nại. Sau khi kiểm tra toàn bộ các văn bản có liên quan, ngày 31/8/2022, UBND xã Đ ban hành Quyết định số 205/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Sỹ N. Ngày 26/9/2022, ông Ngô Sỹ N tiếp tục gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân

dân tỉnh Kon Tum về Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND xã Đ; ngày 06/4/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành bản án số 02/2023/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong đó, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của ông Ngô Sỹ N: hủy bỏ Quyết định số 205/ QĐ- UBND ngày 31/8/2022 của UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần đầu).

Về thời điểm hình thành con đường: Căn cứ biên bản ngày 19/7/2023 của Ban Q1 và ý kiến các ban ngành đoàn thể, người có uy tín và người dân địa phương, con đường hiện đang có tranh chấp giữa ông Vi Quốc V và ông Ngô Sỹ N, bà Phạm Thị T được hình thành từ năm 1982. Ngoài con đường này thì không còn con đường nào khác đi vào khu nhà ở và rẫy của ông Vi Quốc V.

** Người làm chứng là bà Nguyễn Thị P trình bày:* Bà sinh sống tại Thôn C, xã Đ từ tháng 01/1994 cho tới nay. Hiện là Bí thư kiêm Thôn trưởng thôn 3. Phần diện tích đất mà các bên tranh chấp theo bà được biết là con đường đi. Con đường có từ lâu, gia đình ông V phải đi qua đoạn đường này mới vào được nhà. Ngoài ra, bà thấy có một số hộ dân làm rẫy phía trong nhà ông V đi qua đoạn đường này để vào canh tác. Mỗi khi vào nhà ông V thì bà đi qua đoạn đường này vì gia đình ông V thuộc hộ cận nghèo nên chính quyền thôn cũng thường xuyên tới thăm hỏi, tặng quà, động viên. Gia đình bà không có đất rẫy canh tác tại khu vực đó. Từ khi ông N rào lại thì bà không có đường đi vào nhà ông V. Theo bà được biết ngoài đoạn đường này để gia đình ông V đi lại cũng như các hộ dân muốn đi vào canh tác thì không có con đường nào khác. Hiện tại gia đình ông N đã rào lại khiến ông V không có đường đi, phải trèo qua hàng rào của Bệnh xá Công ty G. Còn mấy hộ gia đình có đất rẫy phía trong thì có đi tắt bằng lối đi khác để vào rẫy chứ không có đường.

** Người làm chứng là ông Ngô Nha T2 trình bày:* Ông là bộ đội, trước đây công tác tại Trung đoàn 732, nay là Công ty TNHH một thành viên G. Tới năm 1993 thì nghỉ hưu và sinh sống tại thôn C, xã Đ, huyện N. Thời điểm ông còn công tác tại Công ty, ông đã thấy có con đường đi vào khu vực phía trong. Ông cũng nhiều lần đi qua đoạn đường này vào sâu bên trong để bẻ măng. Gia đình ông không có đất rẫy tại khu vực đó nên đã từ lâu không đi lại qua đoạn đường này. Theo ông được biết ngoài đoạn đường này để gia đình ông V đi lại cũng như các hộ dân muốn đi vào canh tác thì không có con đường nào khác. Hiện tại, gia đình ông N đã rào lại khiến ông V không có đường đi ra đường liên xã, phải trèo qua hàng rào của Bệnh xá Công ty G. Vì vậy, ông mong Tòa án xem xét giải quyết buộc ông N tháo dỡ hàng rào, trả lại diện tích đất đường đi cho mọi người có lối đi lại trong sinh hoạt.

** Người làm chứng là ông Vũ Trọng Đ trình bày:* Ông là bộ đội trước công tác tại Trung đoàn G1, nay là Công ty TNHH một thành viên G. Tới năm 1990 thì nghỉ hưu và sinh sống tại thôn C, xã Đ, huyện N. Thời điểm Công ty chưa về xây bệnh xá thì ông thấy gia đình ông V và một số bà con canh tác khu vực phía trong có đi qua đoạn đường này để vào rẫy. Riêng gia đình ông thì không có đất rẫy khu vực đó và cũng không thường xuyên đi lại trên con đường này. Theo ông được biết ngoài đoạn đường này để gia đình ông V đi lại cũng như các hộ dân muốn đi vào canh tác thì không có con đường nào khác. Hiện tại gia đình ông N đã rào lại khiến ông V không có đường đi ra đường liên xã, phải trèo qua hàng rào của Công ty G. Ông mong Tòa án xem xét giải quyết buộc ông N tháo dỡ hàng rào trả lại diện tích đất đường đi để mọi người có lối đi lại trong sinh hoạt.

** Người làm chứng là bà Lê Thị D1 trình bày:* Nhà bà không có đất rẫy ở khu vực gần nhà ông V và nhà ông N, bà T đang tranh chấp. Bà là người dân trong thôn, bà chỉ biết đoạn đường đi vào nhà ông V có từ lâu, gia đình ông V phải đi qua con đường này mới ra được đường liên thôn. Việc các bên tranh chấp không liên quan và ảnh hưởng đến bà, bà xin được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

** Người làm chứng là bà Phạm Thị T3 trình bày:* Bà biết đoạn khu nhà ông V ở có 02 con đường, một đường đi xuống suối (không đi qua nhà ông V) và con đường đi vào nhà ông V thì nay ông N rào lại, ông V không còn đường đi phải trèo qua qua hàng rào của Công ty G mỗi khi ra thôn. Việc gia đình ông N và ông V xảy ra tranh chấp không liên quan đến bà, bà xin được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

** Người làm chứng là ông Nguyễn Trung T1 trình bày:* Năm 1995, bà có rẫy cà phê ở phía trong nhà ông N, ông V. Bà đi làm rẫy thường đi qua đoạn đường tranh chấp. Sau một thời gian, bà đã chuyển nhượng rẫy lại cho chị gái bà là bà Nguyễn Thị D. Hiện bà không còn liên quan đến rẫy và đường vào rẫy nên bà xin được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

** Người làm chứng là ông Vũ Đình T4 trình bày:* Trước kia ông là quân nhân đóng quân ở Công ty G. Năm 1985 đã có con đường đi qua khu vực đó. Sau thì thấy ông Vi Quốc V đến khai hoang trồng trọt rồi làm nhà ở và định cư. Bên trong nhà ông V còn có một số hộ dân khai hoang làm rẫy. Khi Công ty G có chủ trương thanh lý khu nhà tạm cho ông Ngô Sỹ N vẫn để con đường cho ông V đi lại. Ông N không có ý kiến gì, thời gian sau này thì hai gia đình lại có mâu thuẫn, tranh chấp; sau đó gia đình ông N rào hết con đường không cho ông V đi. Hiện ông V không có đường đi lại mua bán sinh hoạt hàng ngày. Ông

mong Tòa án giải quyết cho ông V và một số hộ dân có đường đi lại như trước đây.

** Người làm chứng là bà Ngô Thị H1 trình bày:* Bản thân bà là công nhân quốc phòng từ năm 1983 thuộc Trung đoàn G1, nay là Công ty G. Đến năm 1994, bà nghỉ chế độ mất sức lao động, từ đó đến nay thường trú tại thôn C, xã Đ. Từ khi bà nhập ngũ tại Công ty G, bà đã thấy có con đường đi vào nhà ông V. Bên trong nhà ông V còn một số hộ canh tác làm rẫy. Đến khi Công ty C2 khu nhà tạm cho ông Ngô Sỹ N, theo sơ đồ quy hoạch, bà được biết Công ty vẫn để đường đi cho ông V, đó là đường đi chung của toàn dân. Đến tháng 8/2023, gia đình ông N rào chặn hai đầu đoạn đường, khiến ông V không có lối đi vào nhà phải bắc thang trèo qua tường rào của Công ty G để ra đường liên thôn.

** Người làm chứng là bà Phạm Thị K1 trình bày:* Bà xác nhận đường đi chung rộng 05m đã có từ trước năm 1990 được hình thành từ phần nhà đất của hộ ông Vi Quốc V ra đường liên xã, đây là con đường đi chung cho đến nay và mãi về sau này. Bà không yêu cầu mở thêm đường, lối đi qua phần đất nhà ông Ngô Sỹ N mà ông Vi Quốc V đã khởi kiện ra Tòa án.

** Bản án số 12/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 47/2025/QĐ-SCBSBA ngày 17/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Quốc V. Buộc đồng bị đơn ông Ngô Sỹ N và bà Phạm Thị T chấm dứt hành vi cản trở, tháo dỡ hàng rào và di dời tài sản, cây trồng trên lối đi chung (theo trích lục đo vẽ ngày 03/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 24/10/2025, ông Ngô Sỹ N nộp đơn kháng cáo trực tiếp tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án số 12/2025/DS-ST ngày 09/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Đơn kháng cáo của ông Ngô Sỹ N đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Ngô Sỹ N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 09/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi.

Về án phí dân sự phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 09/10/2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên, bị đơn ông Ngô Sỹ N và người đại diện theo ủy quyền của ông N là ông Đinh Viết S đều vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 16/10/2025, ông N nhận được bản án dân sự sơ thẩm; đến ngày 24/10/2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi nhận được đơn kháng cáo của ông N là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Sỹ N là ông Đinh Viết S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Ngô Sỹ N, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tố tụng:

[3.1.1] Bị đơn ông Ngô Sỹ N kháng cáo: Thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp lỗi đi chung là 03 năm kể từ ngày người có quyền lợi phát hiện quyền lợi của mình bị xâm phạm. Tại Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum (viết tắt là Bản án số 02) đã ghi nhận ông xây dựng tường rào vào ngày 11/12/2018, nhưng đến năm 2023 ông Vi Quốc V mới có đơn khởi kiện ông. Căn cứ vào khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu khi có yêu cầu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải

được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc. Theo đó, ngay sau khi nhận được Quyết định số 01/2025/QĐST-DS ngày 14/7/2025 về việc tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi, ông đã có văn bản trình bày ý kiến, trong đó có nội dung thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, tính đến thời điểm ông V khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015, *thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau đây: Yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản; Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu (trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác); Tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai; Trường hợp khác do luật quy định*. Do đó, tranh chấp lối đi chung thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên việc ông N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng khi thụ lý đơn khởi kiện của ông V là không có căn cứ.

[3.1.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ngày 22/8/2025, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Thông báo số 56/TB-TA ngày 15/8/2025 về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (bút lục số 194). Đến ngày 26/9/2025, ông Ngô Sỹ N giao nộp trực tiếp Đơn phản tố đề ngày 18/7/2025 của ông và bà Phạm Thị T tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi (bút lục số 234). Như vậy, thời điểm ông N, bà T có yêu cầu phản tố là sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của ông N, bà T là có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.1.3] Mặt khác, tại đơn phản tố và đơn kháng cáo, ông N trình bày: Vụ án tranh chấp lối đi đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể là Bản án số 02. Vào thời điểm xem xét thụ lý đơn khởi kiện của ông V, nếu xác định thuộc trường hợp trên thì Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện; nếu Tòa án đã thụ lý vụ án sau đó mới phát hiện thuộc trường hợp này thì phải đình chỉ giải quyết vụ án; nhưng Tòa án nhân dân khu vực 11 – Quảng Ngãi vẫn tiếp tục thụ lý đơn khởi kiện của ông V và giải quyết vụ án là vi phạm trầm trọng thủ tục tố tụng.

Tuy nhiên, xem xét phần nhận định tại Bản án số 02, Hội đồng xét xử vụ án này đã nhận định: “...*Tại biên bản làm việc ngày 16/6/2022 của UBND xã Đ về việc xây dựng hàng rào có lấn chiếm vào phần đường dân sinh do UBND xã quản lý. Trước khi lập biên bản làm việc ngày 16/6/2022, UBND xã Đ đã lập*

biên bản làm việc vào các ngày 07/4/2022 và 27/4/2022. UBND xã nếu có căn cứ cho rằng ông N có hành vi xây dựng hàng rào lấn chiếm đường dân sinh đi lại (U bản đồ đo đạc chính quy 2008; ý kiến trình bày của Công ty G và Quyết định số 48/QĐ-CT ngày 10/01/2019 về việc thu hồi Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009 của Công ty) thì phải lập biên bản vi phạm hành chính và sau đó ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, việc UBND xã Đ lập biên bản làm việc ngày 16/6/2022 là không đúng trình tự theo quy định tại Chương III Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngoài ra, biên bản này đến nay đã không còn giá trị vì UBND xã Đ yêu cầu ông N tháo dỡ hàng rào đã xây trên phần đất lấn chiếm trong thời hạn 15 ngày (Kể từ ngày 16/6/2022 đến ngày 30/6/2022).

...biên bản ngày 16/6/2022 này không phải là quyết định hành chính nên ông N đi khiếu nại biên bản làm việc này là không đúng. Việc chủ tịch UBND xã Đ tiến hành giải quyết khiếu nại ban hành quyết định 205/QĐ- UBND ngày 31/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần đầu) là không đúng”. Theo đó, bản án đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, hủy Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Sỹ N (lần đầu), (viết tắt là Quyết định số 205). Việc hủy Quyết định số 205 là do trình tự giải quyết khiếu nại của UBND xã Đ không đúng theo quy định của pháp luật chứ Hội đồng xét xử vụ án trên chưa xem xét đến nội dung của Quyết định là đúng hay sai. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Xác định nguồn gốc đất tranh chấp:

[3.2.1.1] Bị đơn ông Ngô Sỹ N, bà Phạm Thị T trình bày: Nguồn gốc phần đất hiện đang tranh chấp là của vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của Công ty G từ năm 2009. Thời điểm đó, Công ty G chủ trương tạo điều kiện cấp đất có thu tiền cho công nhân xây nhà ở và phát triển kinh tế vườn; ông N là công nhân của Công ty nên cũng được cấp một phần đất, cụ thể theo Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009 (viết tắt là Quyết định 16), Công ty G cấp cho ông Ngô Sỹ N diện tích 3.927,6m² đất tại địa điểm khu vực bệnh xá Công ty; trong đó chiều dài 78,2m, chiều rộng 50,2m; đất có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Vi Văn V1 (Vi Quốc V), phía Nam giáp nhà ông Ngô Tùng K, phía Đông giáp suối lớn, còn phía Tây thì giáp Bệnh xá 732 chứ không thể hiện giáp đường đi. Ông, bà đã nộp 90.000.000 đồng cho Công ty G, giá nêu trên là giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì tài sản gắn liền với đất đã khấu hao hết thời hạn sử dụng, không còn giá trị; hoa màu, được liệu cũng đã được thu hoạch hết, do đó phần diện tích

đất hiện nguyên đơn tranh chấp thuộc phần đất mà Công ty G đã chuyển nhượng cho ông bà; sau khi nhận chuyển nhượng thì ông bà quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Nguyên đơn ông Vi Quốc V không thống nhất đối với lời trình bày của bị đơn. Ông V xác định nguồn gốc phần đất hiện đang tranh chấp trước đây là đường dân sinh, người dân đã sử dụng con đường này để đi lại vào khu sản xuất. Gia đình ông chuyển đến sinh sống tại thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi) từ năm 1995; thời điểm gia đình ông đến ở đã có con đường này dẫn tới nhà ông. Sau đó, gia đình ông N cũng chuyển về đây sinh sống; ông N nhiều lần cản trở, không muốn cho gia đình ông đi lại trên con đường này. Năm 2022, gia đình ông N tự ý xây dựng tường rào, chừa lại khoảng 05m để gia đình ông đi lại. Đến khoảng tháng 5-6/2023 thì gia đình ông N xây tường và rào lưới B40 kín, chặn hai đầu đoạn đường không cho ông đi nữa nên ông mới khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty G trình bày: Ngày 10/2/2009, Công ty B về việc cấp 3.927,6m² đất thổ cư cho ông Ngô Sỹ N, đồng thời có bán ngôi nhà 03 gian Bệnh xã cũ Công ty xây dựng vào khoảng năm 1989 trên mảnh đất này cho ông N với số tiền 90.000.000 đồng. Nguồn gốc phần đất trên trước đây là đất nông nghiệp do Công ty G tạm thời quản lý, sử dụng để thực hiện dự án trồng cao su, cà phê; chưa được UBND tỉnh K giao hoặc cho thuê và cũng không nằm trong phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhận thấy việc Công ty ban hành quyết định cấp đất cho ông N là không đúng thẩm quyền quy định của pháp luật đất đai nên ngày 10/01/2019, Giám đốc Công ty G đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-CT thu hồi và hủy Quyết định số 16/QĐ ngày 10/02/2009. Thực trạng trước khi cấp đất cho ông N đã có con đường đất rộng khoảng 06m; người dân thường đi lại trên con đường này vào phía trong để sản xuất, canh tác nhưng do sơ suất của cán bộ nên ghi trong quyết định cấp đất là phía Nam giáp Bệnh xá. Tại biên bản làm việc ngày 01/11/2016, đại diện hộ gia đình, ông Ngô Sỹ N cũng xác định thực tế hiện trạng nêu trên.

Tại biên bản làm việc ngày 19/7/2023 (bút lục số 22) về việc lấy ý kiến của các ban ngành đoàn thể, người có uy tín, người dân; các bản tự khai của những người làm chứng gồm ông Ngô Nha T2, ông Vũ Trọng Đ, bà Nguyễn Thị P, bà Phạm Thị T5, bà Lê Thị D1, ông Nguyễn Trung T6, bà Ngô Thị H1, ông Vũ Đình T4 (bút lục số 86-99) cũng đều thống nhất con đường dân sinh đã có từ năm 1982, người dân thường đi lại trên con đường này để vào canh tác, sản xuất.

[3.2.1.2] Căn cứ bản đồ địa chính chính quy do Trung tâm kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ đo đạc năm 2008, được Cục Đ1 (Bộ T8) phê duyệt tháng 12/2008, vị trí phần đất tranh chấp tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 66, thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi), thể hiện là đất giao thông (đường dân sinh).

[3.2.1.3] Theo kết quả xác minh tại Thông báo số 36/TB-STNMT ngày 05/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (bút lục số 135-138) thì: *Công ty G cấp đất cho ông N để làm nhà ở và phát triển kinh tế vườn là sai với quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2003... Theo các Phiếu thu (được lập ngày 10/11/2009 và ngày 11/3/2011) thể hiện nội dung thu tiền là nộp tiền mua nhà (chuyển nhượng nhà) bệnh xá cũ của Công ty G nên các chứng từ này không có giá trị như việc mua tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất... Qua kiểm tra, rà soát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV G số BN 379749 cấp ngày 28 tháng 3 năm 2013 cho thấy vị trí đất này (phần diện tích đất đã được Công ty cấp cho ông Ngô Sỹ N) không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Hơn nữa, Công ty TNHH MTV G không kê khai hồ sơ để được thuê đất tại vị trí này và Công ty C3 lập thủ tục bàn giao diện tích đất này về cho địa phương quản lý đồng thời UBND tỉnh chưa có quyết định thu hồi đất tại vị trí nêu trên để bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng.*

[3.2.1.4] Tại Biên bản xác minh đề ngày 22/8/2024 (bút lục số 143), đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Kon Tum cung cấp thông tin: *Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.647,7m², địa chỉ thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum, đo đạc năm 2008, thể hiện là đất giao thông, từ đó đến nay không có sự thay đổi gì. Trong thửa đất giao thông này, ông N chiếm xây dựng tường là 386,8m²...Hiện nay phần diện tích 386,8m² đất do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý vì phần diện tích này là đất giao thông (đất đường mòn cho những người dân đi lại để làm nương rẫy).*

[3.2.1.5] Bên cạnh đó, UBND xã S cũng xác nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 379749 được UBND tỉnh K cấp cho Công ty TNHH một thành viên G vào ngày 28/3/2013 tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 65 thể hiện phía Đông thửa đất có tiếp giáp đường dân sinh hiện trạng là đúng (Công văn số 118/UBND-TH ngày 03/02/2025).

Từ những chứng cứ trên có căn cứ xác định phần đất hiện đang tranh chấp thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 66, thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (bản đồ đo đạc năm 2008), là đất giao thông, được hình thành từ năm 1982. Việc ông N, bà T cho rằng gia đình ông bà được cấp đất theo Quyết định 16 của Công

ty G, trong đó bao gồm phần diện tích $386,8m^2$ tại thửa 114 là không đúng quy định. Theo đó, hành vi xây dựng tường rào của ông N là hành vi chiếm đất.

[3.2.2] Xác định diện tích đất lấn chiếm:

[3.2.2.1] Kết quả kiểm tra thực địa và sơ đồ vị trí đất ngày 12/01/2024 (bút lục số 139) cho thấy, ông Ngô Sỹ N đã xây dựng tường rào có kích thước mặt đường liên xã là $4,95m + 2,46m + 6,53m = 13,94m$ (từ vị trí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH một thành viên G đến giáp thửa đất nhà ông Ngô Tùng K).

[3.2.2.2] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2024 (bút lục số 146), sơ đồ trích lục hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh K – Chi nhánh huyện N (bút lục số 144) thể hiện phần diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích $386,8m^2$; lối đi tranh chấp bị đơn đã xây tường rào lại hai đầu cụ thể: Phía Nam giáp đất đường liên xã có móng tường rào đổ bằng bê tông, chiều cao là 40cm, chiều rộng 18cm, chiều dài móng tường $7,41m$ ($4,95m + 2,46m$), phía trên được rào bằng lưới B40 cao 1m52cm. Phía cuối phần đất tranh chấp phía giáp ranh với đất nhà ông V được ông N rào bằng lưới B40, với tổng chiều dài lưới rào là 7m. Ngoài ra trên phần diện tích đất $386,8m^2$, gia đình ông N còn trồng 08 cây sầu riêng.

[3.2.2.3] Tại Công văn số 118/UBND-TH ngày 03/02/2025, Ủy ban nhân dân xã S cung cấp thông tin: *Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 66, diện tích $1.647,7m^2$, địa chỉ thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (cũ) đo đạc năm 2008, thể hiện là đất giao thông và từ đó đến nay không có sự thay đổi gì. Trong thửa đất giao thông này, ông Ngô Sỹ N lấn chiếm một phần xây dựng tường rào là $386,8m^2$ do đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Kon Tum cung cấp tại biên bản biên bản xác minh ngày 22/8/2024 là đúng.*

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định phần đất mà bị đơn ông Ngô Sỹ N và bà Phạm Thị T lấn chiếm có diện tích là $386,8m^2$ như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo Sơ đồ trích lục ngày 03/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N thể hiện. Việc ông N và bà T tự ý rào chắn hai đầu đoạn đường giao thông, đã làm ảnh hưởng đến việc đi lại sinh hoạt hàng ngày của ông Vi Quốc V cũng như một số hộ dân tại địa bàn. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Quốc V, buộc đồng bị đơn là ông Ngô Sỹ N và bà Phạm Thị T chấm dứt hành vi cản trở; tháo dỡ hàng rào và toàn bộ tài sản trên phần đất nêu trên, trả lại hiện trạng con đường đi là có cơ sở; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Sỹ N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001967 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông N đã nộp và chi phí xong.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 169, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn là ông Ngô Sỹ N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 47/2025/QĐ-SCBSBA ngày 17/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Quảng Ngãi.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Ngô Sỹ N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001967 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông Ngô Sỹ N đã nộp và chi phí xong

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 11 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hành

